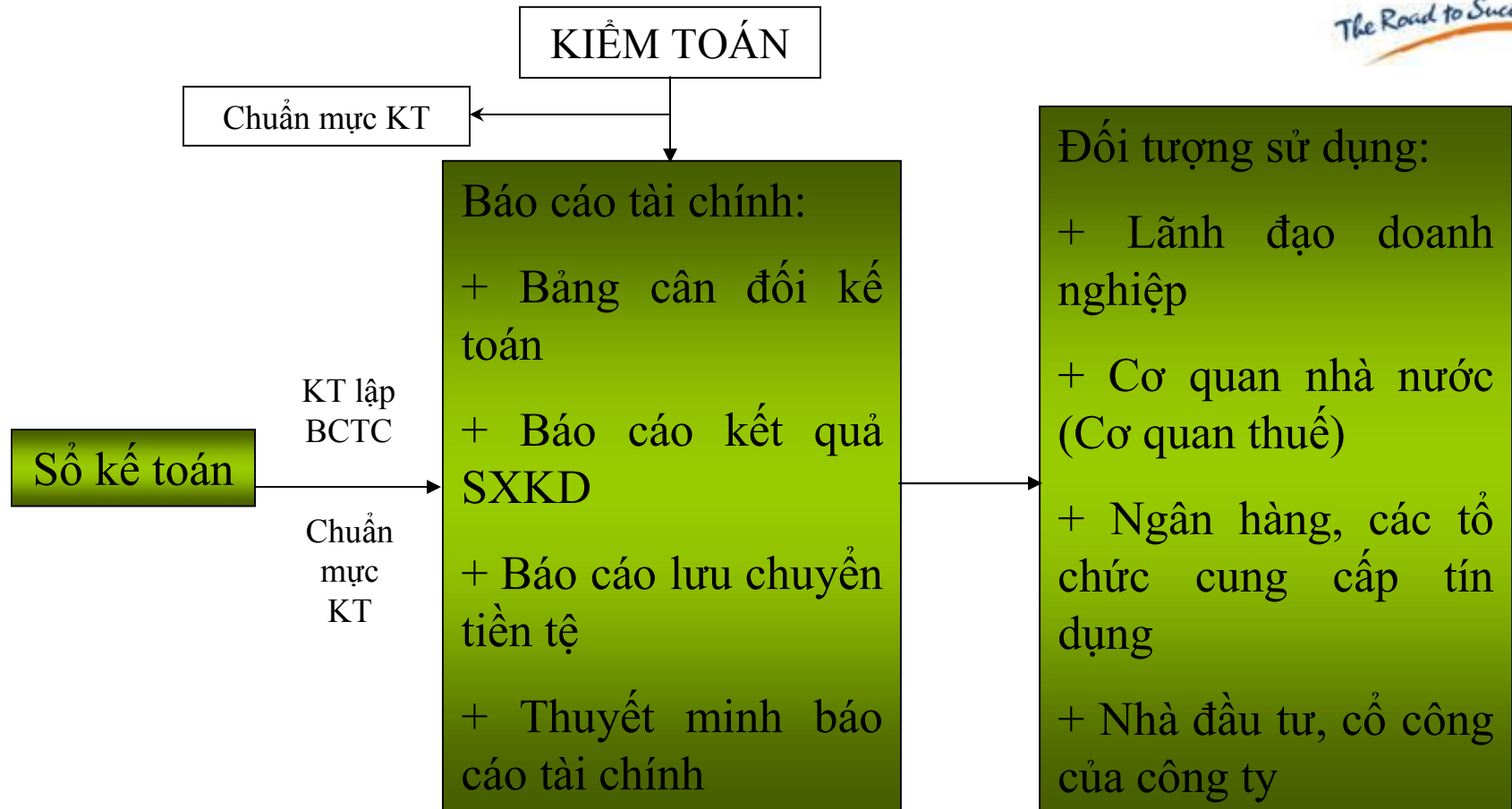


BÀI 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TS. Trần Thế Nữ
Bộ môn Kế toán, Khoa Tài chính - Ngân hàng

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo TC

Hệ thống
báo cáo
tài chính

Là báo cáo tổng hợp, trình bày một cách tổng quát và toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán và phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh.

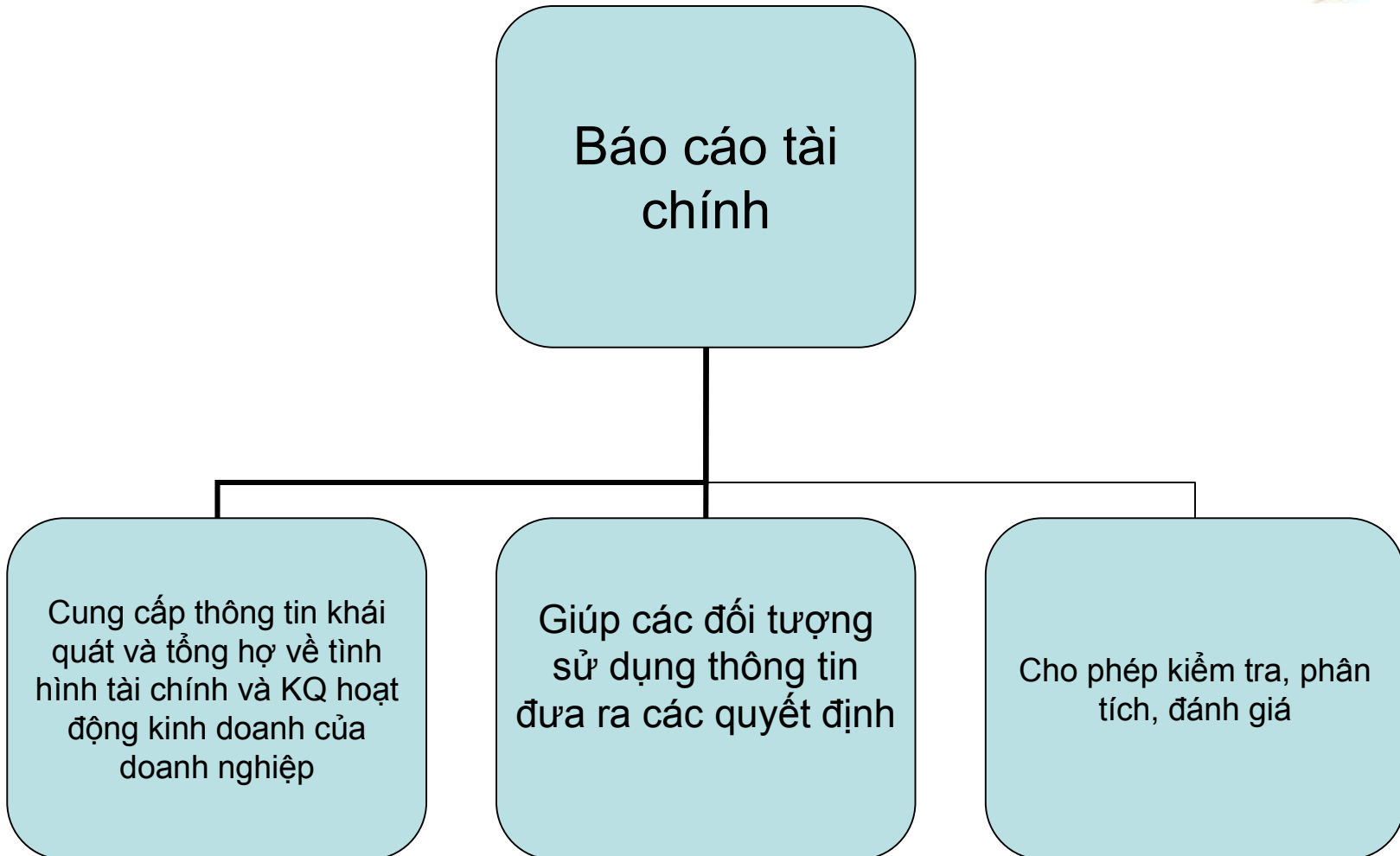
TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Mục đích: BCTC dùng để cung cấp thông tin về:

- Tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản
- Tình hình tài chính và những biến động về tình hình tài chính (nợ, vốn chủ sở hữu)
- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- Lượng tiền thu về và sử dụng tiền trong kỳ
- Diễn giải (giải thích) các chỉ tiêu mà báo cáo kết quả sản xuất KD, bảng cân đối kế toán, lưu chuyển tiền tệ chưa rõ ràng.

- Ý nghĩa của BCTC



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- Kỳ lập BCTC: BCTC năm, BCTC giữa niên độ kế toán
- Thời hạn nộp BTCT:
- Nơi nộp BCTC:
- Trách nhiệm của KTT và Giám đốc trong việc lập và trình bày BCTC



Lập và công khai BCTC nào?

Nội dung công khai báo cáo tài chính:

- Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu;
- Trích lập và sử dụng các quỹ;
- Kết quả hoạt động kinh doanh;
- Thu nhập của người lao động.



Hình thức và thời hạn công khai

- Phát hành ấn phẩm;
- Thông báo bằng văn bản;
- Niêm yết;
- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu lập và trình bày BCTC



Trung thực, hợp lý

Thích hợp

Đáng tin cậy (khách quan)

Dễ hiểu

1. Bảng cân đối kế toán

2. Báo cáo kết quả kinh doanh

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

4. Bản thuyết minh BCTC

Nguyên tắc lập và trình bày BCTC



NGUYÊN TẮC

a/ Hoạt động liên tục;

b/ Cơ sở dồn tích;

c/ Nhất quán;

d/ Trọng yếu và tập hợp; *Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.*

e/ Bù trừ;

Không được bù trừ tài sản và công nợ, mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày báo cáo tài chính.

f) Có thể so sánh: Báo cáo tài chính được thiết kế ở dạng có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán thể hiện ở cột “số năm nay” “số năm trước”.

Báo cáo KQKD

Khái niệm: Là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước trong một thời kỳ nhất định.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/03/2011

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	15.387.986.005	15.387.986.005
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10		15.387.986.005	15.387.986.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	11.374.896.088	11.374.896.088
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		4.013.089.917	4.013.089.917
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	104.798.145	104.798.145
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	529.374.124	529.374.124
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		529.374.124	529.374.124
8. Chi phí bán hàng	24		1.674.357.719	1.674.357.719
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.104.650.904	1.104.650.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		809.505.315	809.505.315
11. Thu nhập khác	31		202.560.000	202.560.000
12. Chi phí khác	32		148.982.120	148.982.120
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		53.577.880	53.577.880
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		863.083.195	863.083.195
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	86.308.319	86.308.319
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		776.774.876	776.774.876
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Vân
Vũ Thị Thanh Vân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Oanh
Hoàng Thị Oanh

Hoà Bình, Ngày 21 tháng 04 năm 2011

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Hoàn
NGUYỄN VĂN HOÀN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18
HUYỆN THUY CẨM HÒA BÌNH



TỔNG DOANH THU						
DOANH THU THUẦN					Các khoản giảm trừ doanh thu	
LỢI NHUẬN GỘP			Giá vốn hàng bán			
LN TRƯỚC THUẾ		Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý			
LN SAU THUẾ	THUẾ TNDN					

Báo cáo KQKD

Kết cấu: Theo chiều dọc;
Các chỉ tiêu có mã số, số kỳ này, số kỳ trước và số lũy kế.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010				
Đơn vị tính: VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	79.992.640.199	78.980.987.524
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	159.403.426
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	18	79.992.640.199	78.821.584.098
11	4. Giá vốn hàng bán	19	71.584.693.104	67.914.487.136
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.407.947.095	10.907.096.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.257.008.757	125.828.262
22	7. Chi phí tài chính	21	-	37.116.453
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	37.116.453
24	8. Chi phí bán hàng		4.343.191	62.975.818
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.541.821.037	8.869.943.954
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		118.791.624	2.062.888.999
31	11. Thu nhập khác		5.463.889.796	298.905.129
32	12. Chi phí khác		1.555.867.651	126.782.128
40	13. Lợi nhuận khác		3.908.022.145	172.123.001
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.026.813.769	2.235.012.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.263.095.987	195.563.550
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.763.717.782	2.039.448.450
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.632	1.942

Người lập



Nguyễn Tuyết Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận



Hình 5: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 -2010 công ty cổ phần quảng cáo và hội chợ thương mại (dạng chiều dọc)

Cách lập

Nguồn số liệu

Căn cứ vào số liệu của các tài khoản loại 5, 6, 7, 8, 9

Phương pháp lập

Từ số liệu của các tài khoản loại 5, 6, 7, 8, 9 phản ánh vào các chỉ tiêu tương ứng trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh theo mẫu 02 DN ban hành theo quyết định Số 15/2006/QĐ - BTC của Bộ Tài Chính.

Báo cáo KQKD



Đơn vị báo cáo:	Mẫu số B 02 – DN
Địa chỉ:	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm

Đơn vị tính:				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
--------------------------------	--------------------------------	------------------------------------

Kết quả kinh doanh là phần chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và chi phí của cùng một kỳ kế toán.

Kết quả kinh
doanh

=

Doanh thu

+

Thu nhập

-

Chi phí

- Hoặc Kết quả > 0 : Lãi, $\rightarrow$ tăng vốn chủ sở hữu
- Hoặc Kết quả < 0 : Lỗ, $\rightarrow$ giảm vốn chủ sở hữu
- Hoặc Kết quả $= 0$: Hòa vốn

Doanh thu

Chuẩn mực kế toán Việt Nam: Doanh thu và thu nhập khác là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- ***Thế giới:*** Doanh thu thể hiện dòng chảy vào của các nguồn lực kinh tế của công ty.

* ***Doanh thu bao gồm:*** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động đầu tư, hoạt động TC.



Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức là các khoản chi bằng tiền hoặc khấu trừ tài sản hoặc phát sinh nợ dẫn đến làm giảm nguồn vốn chủ sở hữu.

Bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, khấu hao, chi phí thuế, chi phí lãi vay,...

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
Công trình: Xây dựng nhà điều hành

ST T	CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ (Đ)	KÝ HIỆU
	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ			
	Chi phí vật liệu		1.747.048.002	VL
	Chênh lệch vật liệu			CLVL
	Chi phí nhân công		585.227.392	NC
	Chi phí máy xây dựng		111.377.590	M
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	$(VL + CLVL) * 1$	1.747.048.002	VL
2	Chi phí nhân công	$NC * 1,62$	948.068.374	NC
3	Chi phí máy xây dựng	$M * 1,164$	129.643.514	M
4	Trực tiếp phí khác	$(VL+NC+M) * 1,5\%$	42.371.398	TT
	Cộng chi phí trực tiếp	$VL+NC+M+TT$	2.867.131.289	T
II	CHI PHÍ CHUNG	$T * 6,5\%$	186.363.534	C
	GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG	$T+C$	3.053.494.823	Z
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T+C) * 5,5\%$	167.942.215	TL
	Giá trị dự toán xây lắp trước thuế	$T+C+TL$	3.221.437.038	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G * 10\%$	322.143.704	GTGT
	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN XÂY LẮP SAU THUẾ	$G + GTGT$	3.543.580.742	G_{XDLT}
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G * 1\% * (1+10\%)$	35.435.807	G_{XDCT}
	TỔNG CỘNG	$G_{XDLT} + G_{XDCT}$	3.579.016.549	
	LÀM TRÒN		3.579.017.000	

BÀI TẬP 1



Hãy lập báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Hoàng Hà ?
(Đvt: 1.trđ)

Tổng doanh số bán hàng: 3.300, đã gồm thuế GTGT 10%, trong đó đã thu tiền 2.700 còn lại khách hàng nợ; Khoản khách hàng trả lại chưa thuế 300, thuế GTGT 10%

Vay lãi 2800, trong đó vay ngân hàng 2.000 (lãi suất 12%/năm), còn lại là lãi vay của cá nhân (lãi suất 20%/năm). Biết lãi suất cho vay trung bình của ngân hàng là 15%;

Giá vốn hàng mua vào: 5.000, tồn đầu kỳ 2.000, tồn kho cuối kỳ 4.900;
Chi phí: tiền lương nhân viên 200, chi phí điện, nước, điện thoại,... 150.
Chi phí khấu hao 200;

Doanh thu từ bán chứng khoán: 200, từ thanh lý TSCĐ 50;

BÀI TẬP 2



Tổng doanh số bán hàng: 22.000, đã gồm thuế GTGT 10%, Khoản khách hàng trả lại chưa thuế 500, thuế GTGT 10%.

Vay lãi 3000, trong đó vay ngân hàng 2.500 (lãi suất 12%/năm), còn lại là lãi vay của cá nhân (lãi suất 20%/năm). Lãi suất cho vay trung bình của ngân hàng là 12%; Biết rằng cổ đông còn nợ chưa góp vốn số tiền là 1.000;

Giá vốn hàng mua vào: 7.000, tồn đầu kỳ 1.000, tồn kho cuối kỳ 2.900;

Chi phí: tiền lương nhân viên 1.500, chi phí điện, nước, điện thoại,... 150. Chi phí khấu hao 200; chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng chưa thuế 500, thuế GTGT 10%, trong đó có 01 hóa đơn 200tr không được cơ quan thuế chấp nhận do vượt định mức.

Doanh thu từ bán chứng khoán: 200, từ thanh lý TSCĐ 50;

Hãy lập Báo cáo KQKD ???

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



Khái niệm: Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định, thường là ngày cuối kỳ kế toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2007	
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc đá quý	87.470.881.936	91.309.779.149	
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	216.116.747.086	284.861.813.438	
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	3.949.979.033.383	5.383.390.570.884	
Chứng khoán kinh doanh (+)	480.531.193.889	9.186.340.908	
Chứng khoán kinh doanh	484.698.788.389	9.186.340.908	
Dự phòng giảm giá OTC	(14.167.598.000)	-	
Các OTC phát sinh và các TSTC khác	368.883.000	-	
Cho vay khách hàng	6.287.188.388.911	4.175.419.584.938	
Cho vay khách hàng	6.252.689.287.935	4.183.582.561.210	
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(25.540.930.794)	(8.083.151.182)	
Chứng khoán đầu tư (+)	1.993.580.000.000	282.520.580.000	
Đầu tư dài hạn	748.159.000.000	382.880.000.000	
Tài sản cố định	823.391.020.126	343.945.952.381	
Tài sản cố định hữu hình	87.186.773.055	50.090.488.277	
Nguyên giá	112.814.620.855	56.517.976.492	
Số từ hao mòn lũy kế	(15.647.859.194)	(6.427.513.215)	
Tài sản cố định vô hình	728.624.242.486	293.899.488.034	
Nguyên giá	728.624.242.486	293.899.488.034	
Số từ hao mòn lũy kế	(1.897.388.194)	(348.952.376)	
Tài sản cố khác	916.971.001.018	1.434.187.064.336	
Tổng tài sản Có	14.381.318.018.542	12.367.448.523.820	
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	2.220.984.174.288	1.381.784.937.844	
Tiền gửi của khách hàng	9.588.143.298.589	2.884.888.885.796	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	26.473.832.213	91.889.340.963	
Các khoản nợ khác	348.989.429.543	240.478.388.219	
Tổng nợ phải trả	12.184.634.782.633	10.188.931.810.922	
Vốn của tổ chức tín dụng	2.045.648.582.000	2.045.000.000.000	
Vốn đầu tư	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	
Thặng dư vốn cổ phần	48.000.000.000	48.000.000.000	
Cổ phiếu quỹ	(2.351.398.000)	-	
Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2007	
Duy của tổ chức tín dụng	53.494.245.590	2.535.806.183	
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	187.512.388.339	127.873.507.715	
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	14.381.318.018.542	12.367.448.523.820	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Bảo lãnh khác	37.274.279.464	4.102.511.136	
TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
	Năm 2008	Năm 2007	
Tổng thu nhập	1.640.165.831.829	618.827.639.337	
Tổng chi phí	1.370.805.211.847	443.582.839.464	
Lợi nhuận trước thuế	269.360.619.982	176.234.799.873	
Lợi nhuận sau thuế	194.768.798.331	126.869.955.999	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	973.875	2.456.788	

(+) Tài phiếu ngân hàng Nhà nước, tài phiếu ngân hàng TMCP

(-) Kế phiếu ngân hàng của Ngân hàng TMCP, tài phiếu của tổ chức kinh tế

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

Lập bảng

Kế toán trưởng

Trưởng giám đốc

Ưu

Nguyễn Thị Lan Phương

Nguyễn Văn Lê

Ngô Thị Văn

Nguyễn Thị Lan Phương

Nguyễn Văn Lê

www.shb.com.vn



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI
SAIGON - HANOI COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
<http://fb.com/tailieudientucnt>

Nội dung

Phản ánh các chỉ tiêu thuộc tài sản và nguồn vốn

Các chỉ tiêu được sắp xếp thành loại và có mã số

Phần tài sản: Phản ánh toàn bộ giá trị thực tế và kết cấu tài sản tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ kế toán theo tính thanh khoản giảm dần

Phần nguồn vốn: Phản ánh toàn bộ giá trị và kết cấu nguồn vốn tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ kế toán theo mức độ trách nhiệm pháp lý giảm dần

KẾT CẤU

Kết cấu theo chiều ngang (bảng song song):

- Một bên phản ánh tài sản
- Một bên phản ánh nguồn vốn

Kết cấu chiều dọc (bảng nối tiếp):

Trình bày phần tài sản sau đó là nguồn vốn

Các chỉ tiêu có các mã số, số đầu kỳ và số cuối kỳ



Tài sản	Nguồn vốn
1. Tài sản ngắn hạn Vốn bằng tiền Đầu tư ngắn hạn Phải thu Hàng tồn kho Tài sản ngắn hạn khác	1. Nợ phải trả Nợ ngắn hạn Nợ nhà cung cấp Nợ khác trong kinh doanh Nợ dài hạn
2. Tài sản dài hạn Các khoản phải thu dài hạn Tài sản cố định Bất động sản đầu tư Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Tài sản dài hạn khác	2. Vốn chủ sở hữu Vốn chủ sở hữu Nguồn kinh phí và quỹ khác

Cách lập

Nguồn số liệu

Sổ kế toán tổng hợp

Sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết

Bảng cân đối kế toán kỳ trước

Phương pháp lập:

Cột đầu kỳ: Lấy số liệu của bảng Cân đối kế toán kỳ trước

Cột cuối kỳ: Căn cứ vào số dư cuối kỳ của các tài khoản kế toán để xây dựng các chỉ tiêu tương ứng

Tài sản

I. Tài sản ngắn hạn
Số dư Nợ TK loại 1
Số dư Nợ TK 331
Số dư Có tài khoản
129, 139, 159 được ghi âm

II. Tài sản dài hạn
Số dư Nợ TK loại 2
Số dư Có tài khoản
214, 229 được ghi âm

Nguồn vốn

I. Nợ phải trả
Số dư Có TK loại 3
Số dư Có TK 131

II. Nguồn vốn chủ sở hữu
Số dư Có TK loại 4
Số dư Nợ tài khoản
412, 413, 421 được ghi âm

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



Tài sản



Nợ phải trả



Vốn chủ sở hữu

Tài sản

Nguồn
vốn

Bài tập 3. Hãy lập Bảng CĐKT



Danh Mục	Số Tiền (đ)	Danh Mục	Số Tiền (đ)
Đồng	12.805.000	Ô tô vận tải nhẹ	101.260.000
Lợi nhuận chưa phân phối	81.250.000	Quỹ khen thưởng	15.600.000
Máy khoan	72.000.000	Sản phẩm dở dang	3.000.000
Máy khoan "K.337" SX để bán	91.250.000	Số tiền phải thanh toán cho CBCNV	9.800.000
Quỹ đầu tư phát triển	80.800.000	Số tiền tạm ứng cho CBCNV	600.000
Máy khoan "Z.451" SX ra để bán	112.500.000	Tài sản thế chấp ở ngân hàng	180.565.000
Máy móc thiết bị khác	144.000.000	Thép tấm	11.100.000
Máy phay	80.500.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	160.000.000
Máy tiện	177.500.000	Thép tròn	24.000.000
Nợ phải trả cho người bán	14.550.000	Tiền gửi ngân hàng	29.800.000
Nhà kho	97.500.000	Tiền mặt tồn quỹ	8.495.000
Nhà làm văn phòng	104.500.000	Vốn kinh doanh	848.263.000
Vay dài hạn ngân hàng	430.500.000	Nhôm	6.388.000
Nhà xưởng	193.000.000	Ô tô con	190.000.000

Bài tập 4. Hãy lập Bảng CĐKT



Số liệu đầu kỳ

Tiền mặt	5.000.000
Tiền gửi ngân hàng	16.000.000
Phải thu người mua	4.000.000
Nguyên vật liệu	5.000.000
Hàng hóa	25.000.000
Tài sản cố định	45.000.000
Vay ngắn hạn	15.000.000
Phải trả người bán	5.000.000
Nguồn vốn kinh doanh	70.000.000
Chênh lệch tỷ giá	5.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5.000.000

Số liệu phát sinh trong kỳ

1. Được cấp 1 TSCĐ nguyên giá 5.000.000
2. Mua hàng hóa 10.000.000 trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng
3. Vay ngắn hạn ngân hàng trả cho người bán 3.000.000
4. Mua vật liệu trả bằng tiền mặt 1.000.000

Yêu cầu: Lập bảng cân đối kế toán lúc cuối kỳ ???

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ



VINALINK
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI - VINALINK
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009
Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Q.3/2009	Q.3/2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		22,865,552,198	18,360,058,032
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1,063,083,052	1,295,860,914
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(13,315,275,969)	(13,337,608,211)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		10,613,359,281	6,318,310,735
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(21,464,112,482)	(21,345,059,614)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		7,358,515,008	11,468,378,595
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(470,865,430)	(31,295,078)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,286,864,659)	(2,014,585,901)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,202,337,024)	(2,101,484,995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,452,305,306)	(7,705,736,258)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(3,877,311,688)	(5,746,122,418)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1,997,520,000	(1,692,760,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,315,275,969	13,337,608,211
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11,435,484,281	5,898,725,793
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(11,151,000,000)	(11,748,425,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11,151,000,000)	(11,748,425,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7,167,821,025)	(13,555,435,465)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31,025,785,548	37,362,311,318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23,857,964,523	23,806,875,853

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(dữ ký)

TRẦN THỊ BÌNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

(dữ ký)

NGUYỄN NAM TIẾN

- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** là báo tài chính tổng hợp, phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Thực chất là một bảng cân đối về thu chi tiền tệ;
- Tiền tồn đầu kỳ + Tiền thu trong kỳ = Tiền chi trong kỳ + Tiền tồn cuối kỳ
- 3 hoạt động của doanh nghiệp:
Hoạt động kinh doanh: sản xuất, thương mại, dịch vụ... **Hoạt động đầu tư:** đầu tư chứng khoán, thay đổi TSCĐ, liên doanh, liên kết **Hoạt động tài chính:** hoạt động thay đổi cơ cấu tài chính như thay đổi vốn chủ sở hữu...

Cơ sở số liệu và yêu cầu pháp lý



Cơ sở số liệu

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước

Sổ kế toán chi tiết vốn bằng tiền

Sổ kế toán theo dõi các khoản tương đương tiền

Sổ kế toán theo dõi các khoản phải thu, phải trả

Sổ kế toán các tài khoản có liên quan khác



Các yêu cầu pháp lý lập báo cáo:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập và trình bày theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ" và Thông tư hướng dẫn thực hiện (Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính). Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC

Bài tập 5. Hãy lập BCTC



- Tại một doanh nghiệp thương mại tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong quý IV/2013 có tài liệu sau:
- Nhập khẩu một lô hàng A có tổng trị giá 2.500.000.000đ (theo giá CIF Hải Phòng), thuế nhập khẩu 10 % (thuế suất thuế GTGT 10%);
 - Mua một lô hàng B trong nước với giá mua chưa thuế: 2.400.000.000đ, thuế GTGT 10%;
 - Thanh toán một số dịch vụ mua ngoài trị giá chưa thuế 240.000.000đ, thuế GTGT 10%. (140.000.000đ tính vào chi phí bán hàng kỳ này, 100.000.000đ tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp)
 - Tổng doanh thu bán hàng hoá A chưa thuế GTGT là 4.200.000.000đ. Chiết khấu thanh toán là 100.000.000đ;
 - Tổng số tiền bán hàng hoá B là 3.300.000.000đ (đã bao gồm thuế GTGT)
 - Các khoản chi phí quản lý khác: 135.000.000 đ (trong đó có 20.000.000đ là chi phí không hợp lệ)

Yêu cầu:

1. Xác định số thuế mà đơn vị phải nộp trong kỳ ?
2. Xác định kết quả kinh doanh của đơn vị trong kỳ ?

Biết rằng:

- Tồn kho đầu kỳ: hàng A: 1.500.000.000đ, hàng B: 1.000.000.000đ
- Tồn kho cuối kỳ: hàng A: 1.200.000.000đ, hàng B: 1.200.000.000đ

Bài tập 6. Hãy lập Bảng CĐKT

Số liệu đầu kỳ

Tài sản cố định	36.000.000
Nguyên vật liệu	14.000.000
Sản phẩm dở dang	2.000.000
Thành phẩm	8.000.000
Tiền mặt	2.000.000
Tiền gửi ngân hàng	15.000.000
Phải thu người mua	3.000.000
Nguồn vốn kinh doanh	54.000.000
Nguồn vốn xây dựng cơ bản	6.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	7.000.000
Phải trả người bán	7.000.000
Phải trả khác	2.000.000

Số liệu phát sinh trong kỳ

- Dùng lãi (lợi nhuận chưa phân phối) bổ sung nguồn vốn kinh doanh 2.000.000
- Được cấp bổ sung vốn kinh doanh bằng chuyển khoản qua NH 4.000.000
- Dùng TGNH trả nợ người bán 5.000.000
- Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt 6.000.000
- Dùng tiền mặt mua vật liệu 3.000.000
- Dùng tiền mặt trả khoản phải trả khác 1.000.000
- Thu được khoản phải thu của người mua bằng tiền mặt 2.000.000
- Dùng tiền mặt trả nợ cho người bán 1.000.000

Bài tập 7. Hãy lập Bảng CĐKT

Số liệu phát sinh trong kỳ

Số liệu đầu kỳ

- Tài sản cố định	150.000.000
- Phải trả người bán	3.750.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	1.500.000
- Tiền gửi ngân hàng	2.175.000
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	7.500.000
- Sản phẩm dở dang	9.750.000
- Quỹ khen thưởng	1.500.000
- Nguyên vật liệu	65.250.000
- Phải thu của khách hàng	3.750.000
- Nguồn vốn kinh doanh	177.500.000
- Quỹ tiền mặt	75.000
- Thanh toán với CBCNV	1.500.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng	33.000.000
- Thanh toán với ngân sách	2.250.000
- Thành phẩm	7.500.000
- Vay dài hạn ngân hàng	10.000.000

Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt 1.500.000 đ

2/ Khách hàng trả cho DN 1.500.000 đ, DN đã chuyển vào tài khoản ở NH

3/ Lấy thu nhập (LN chưa phân phối) bổ sung vốn kinh doanh 1.200.000 đ

4/ Vay ngắn hạn ngân hàng 2.000.000 đ để trả nợ cho người bán

5/ Nhập kho vật liệu 1.300.000 đ. Chưa thanh toán tiền cho người bán

6/ Vay ngắn hạn ngân hàng 1.200.000 đ về nhập quỹ tiền mặt.

7/ Rút TGNH để trả nợ vay ngắn hạn 1.200.000 đ

8/ Xuất quỹ tiền mặt để trả lương cho công nhân viên 1.500.000 đ

9/ Lấy quỹ tiền mặt từ quỹ khen thưởng 70.000 đ để chi khen thưởng cho CN